

BIỂU 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG ĐẾN NGÀY 04 THÁNG 5 NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 4/5/2022		
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
	Tổng số	7.305.136	1.000.000	477.930	4.893.206	753.600	30.000	18.600	68.900	62.900	1.074.664	1.094.885	15,0
A	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	2.423.775	-	332.396	1.797.773	293.606	-	-	-	-	295.939	323.402	13,3
1	Thành phố Đồng Xoài	309.680		29.400	280.280	-					6.289	6.289	2,0
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	84.084			84.084								
2	Thị xã Bình Long	155.855		25.095	116.760	14.000					24.766	24.766	15,9
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	32.928			32.928								
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000			7.000	14.000							
3	Thị xã Phước Long	124.515		22.575	87.940	14.000					30.229	30.229	24,3
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	22.932			22.932								
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000			7.000	14.000							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	4.500			4.500						-		
4	Huyện Đông Phú	192.978		31.500	137.520	23.958					9.330	9.330	4,8
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	36.456			36.456								
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000			7.000	14.000					-		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	18.958			9.000	9.958					-		
5	Huyện Bù Đăng	252.056		46.961	140.836	64.259					33.532	36.985	14,7
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	20.051			20.051								
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 100 phòng học)	70.000			35.000	35.000							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	68.259			39.000	29.259					-		
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	15.461,0		15.461									
6	Huyện Bù Gia Mập	125.912		25.725	72.477	27.710					32.990	34.685	27,5
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	12.054			12.054								
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000			7.000	14.000							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	22.710			9.000	13.710					-		
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	16.296,5			16.296,5								
7	Huyện Chơn Thành	435.245		26.985	408.260	-					41.118	41.118	9,4
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	121.128			121.128								
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	4.500			4.500						-		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 4/5/2022		
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
8	Huyện Hớn Quản	195.276		31.915,0	118.021	45.340					9.277	16.367	8,4
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	25.872			25.872								
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 40 phòng học)	28.000			7.000	21.000							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	48.340			24.000	24.340					-		
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	6.865,5		6.085	780,5								
9	Huyện Lộc Ninh	291.735,0		40.365	204.320	47.050,0					48.396	64.199	22,0
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	39.396			39.396						-		
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 50 phòng học)	35.000			14.000	21.000					-		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	85.050			59.000	26.050					-		
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	6.345,0		6.345									
10	Huyện Bù Đốp	93.503,5		25.905,5	58.120,0	9.478,0					53.012	51.910	55,5
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	12.936			12.936								
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 10 phòng học)	7.000				7.000							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	17.478			15.000	2.478							
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	2.490,5		2.490,5									
11	Huyện Phú Riềng	247.020		25.969	173.240,0	47.811,0					7.000	7.000	2,8
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	40.572			40.572								
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 70 phòng học)	49.000			14.000	35.000							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	36.811			24.000	12.811							
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	1.504		1.504									
B	Vốn thực hiện dự án	4.666.930	1.000.000	114.497	2.912.833	459.200	30.000	18.600	68.900	62.900	778.725	771.483	17
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2.267.081	696.800	-	1.194.581	225.300	-	18.600	68.900	62.900	341.418	341.418	15
	Dự án chuyển tiếp	1.452.530	696.800	-	542.930	125.300	-	18.600	68.900	-	264.519	264.519	
1	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	71.800	71.800								5.028	5.028	
2	Đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước	500.000	500.000								17.496	17.496	
3	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	125.000	125.000								21.686	21.686	
4	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	47.330			47.330						11.479	11.479	
5	Xây dựng cầu dân sinh	46.000			46.000						28.122	28.122	
6	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	35.000			35.000						10.229	10.229	

STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 4/5/2022			
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA					
7	Nâng cấp, thâm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	78.000			78.000							1.249	1.249	
8	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	78.000			78.000							16.300	16.300	
9	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	30.000			30.000							25.192	25.192	
10	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiêu dự án tỉnh Bình Phước	119.500			32.000				18.600	68.900		32.000	32.000	
11	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mẹ đến QL14C	12.000			12.000							-		
12	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	14.800			14.800							13.377	13.377	
13	Xây dựng đường Đồng Huru - Bàu Năm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Năm)	29.000			29.000							3.645	3.645	
14	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	30.000			30.000							29.264	29.264	
15	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	25.000			25.000							-		
16	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	30.600			30.600							3.181	3.181	
17	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	24.000			24.000							4.995	4.995	
18	Trường Cao đẳng Bình Phước	50.000				50.000						1.900	1.900	
19	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	25.000				25.000						4.441	4.441	
20	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	30.000				30.000						15.492	15.492	
21	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	20.300				20.300						-		
22	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	31.200			31.200							19.443	19.443	
	Dự án khởi công mới	807.918	-	-	645.018	100.000	-	-	-	62.900		70.324	70.324	-
23	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	264.549			264.549							-		
24	Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập	50.000			50.000							-		
25	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	130.469			130.469							988	988	
26	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	50.000			50.000							29	29	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 4/5/2022			
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA					
27	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chò qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	40.000			40.000							319	319	
28	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	15.000			15.000							-		
29	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	15.000			15.000							-		
30	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	15.000			15.000							-		
31	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	15.000			15.000							-		
32	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	50.000				50.000						-		
33	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	25.000				25.000						574	574	
34	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	25.000				25.000						10.358	10.358	
35	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	50.000			50.000							104	104	
36	Xây dựng Khu cách ly tập trung và Bệnh viện dã chiến tuyến tỉnh điều trị Covid-19	32.900								32.900		30.255	30.255	
37	Xây dựng Bệnh viện dã chiến K72	30.000								30.000		27.697	27.697	
	Tất toán các công trình quyết toán	6.633		-	6.633		-	-	-	-		6.575	6.575	
36	Dự án Phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (khoản vay chính sách) tỉnh Bình Phước	7			7							6	6	
37	Xây dựng hàng rào khu căn cứ Bộ chỉ huy miền tà thiết (giai đoạn 2)	91			91							40	40	
38	Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Bù Đốp	1.985			1.985							1.980	1.980	
39	Trường THPT Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	2.501			2.501							2.501	2.501	
40	Xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico	98			98							98	98	
41	Sửa chữa đường trục chính khu công nghiệp Chơn Thành, huyện Chơn Thành	687			687							686	686	
42	Xây dựng đường giao thông và công viên khu di tích lịch sử căn cứ Bộ chỉ huy Miền Tà Thiết	1.264			1.264							1.264	1.264	
II	Thành phố Đồng Xoài	167.189	30.000	60.000	77.189		-	-	-	-		34.525	34.525	
	Dự án khởi chuyển tiếp	102.000	30.000	60.000	12.000		-	-	-	-		7.326	7.326	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 4/5/2022		
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
1	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ suối Đá, thành phố Đồng Xoài	30.000	30.000								872	872	
2	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	60.000		60.000							1.241	1.241	
3	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đông)	12.000			12.000						5.213	5.213	
	Dự án khởi công mới	65.000	-	-	65.000	-	-	-	-	-	27.177	27.177	
3	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	20.000			20.000						-		
4	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	45.000			45.000						27.177	27.177	
	Tất toán các công trình quyết toán	189	-	-	189	-	-	-	-	-	22	22	-
5	Trường Mầm non Hòa Mi, thị xã Đồng Xoài, (giai đoạn 2)	189			189						22	22	
III	Thị xã Phước Long	154.500	-	-	154.500	-	-	-	-	-	8.490	8.490	5,5
	Dự án khởi chuyển tiếp	42.500	-	-	42.500	-	-	-	-	-	8.490	8.490	
1	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	10.500			10.500						4.656	4.656	
2	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	32.000			32.000						3.834	3.834	
	Dự án khởi công mới	112.000	-	-	112.000	-	-	-	-	-	-	-	
3	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	35.000			35.000						-		
4	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khê Bà Định và nhà tù Bà Rá	30.000			30.000						-		
5	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	30.000			30.000						-		
6	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	17.000			17.000						-		
IV	Thị xã Bình Long	183.700	-	-	148.700	35.000	-	-	-	-	3.146	3.146	1,7
	Dự án chuyển tiếp	73.700	-	-	38.700	35.000	-	-	-	-	3.146	3.146	
1	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	38.700			38.700						1.596	1.596	
2	Xây dựng trường THPT Bình Long	35.000				35.000					1.550	1.550	
	Dự án khởi công mới	110.000	-	-	110.000	-	-	-	-	-	-	-	
3	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	30.000			30.000						-		
4	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	80.000			80.000						-		
V	Huyện Chơn Thành	174.602	-	-	174.602	-	-	-	-	-	23.050	15.808	9,1
	Dự án chuyển tiếp	76.000	-	-	76.000	-	-	-	-	-	14.484	7.242	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 4/5/2022			
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA					
1	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	40.000			40.000							-		
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	36.000			36.000							7.242	7.242	
	Dự án khởi công mới	90.000	-	-	90.000	-	-	-	-	-		-	-	
3	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	30.000			30.000							-		
4	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	30.000			30.000							-		
5	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	30.000			30.000							-		
	Tất toán các công trình quyết toán	8.602	-	-	8.602	-	-	-	-	-		8.566	8.566	
6	Trường cấp 2,3 Minh Hưng, huyện Chơn Thành	6.717			6.717							6.688	6.688	
7	Trường mầm non Minh Thành, huyện Chơn Thành	1.885			1.885							1.877	1.877	
VI	Huyện Hớn Quản	211.384	70.000	-	131.384	10.000	-	-	-	-		34.634	34.634	16
	Dự án chuyển tiếp	119.000	-	-	119.000	-	-	-	-	-		34.555	34.555	
1	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	40.000			40.000							25.000	25.000	
2	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	24.000			24.000							9.555	9.555	
3	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	50.000			50.000							-		
4	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	5.000			5.000							-		
	Dự án khởi công mới	92.000	70.000	-	12.000	10.000	-	-	-	-		-	-	
5	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	70.000	70.000									-		
6	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	12.000			12.000							-		
7	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	10.000				10.000						-		
	Tất toán các công trình quyết toán	384	-	-	384	-	-	-	-	-		79	79	
8	Bệnh viện Đa khoa huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	384			384							79	79	
VII	Huyện Đồng Phú	258.991	100.000	-	146.591	12.400	-	-	-	-		62.899	62.899	24,3
	Dự án chuyển tiếp	145.000	-	-	145.000	-	-	-	-	-		61.324	61.324	
1	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	50.000			50.000							12.000	12.000	
2	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	30.000			30.000							9.510	9.510	
3	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	35.000			35.000							10.074	10.074	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 4/5/2022			
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA					
4	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	30.000			30.000							29.740	29.740	
	Dự án khởi công mới	112.400	100.000	-	-	12.400	-	-	-	-		-	-	
5	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	100.000	100.000									-		
6	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	12.400				12.400						-		
	Tất toán các công trình quyết toán	1.591	-	-	1.591	-	-	-	-	-		1.575	1.575	
7	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	1.591			1.591							1.575	1.575	
VIII	Huyện Bù Đăng	143.000	-	-	97.000	46.000	-	-	-	-		47.930	47.930	33,5
	Dự án chuyên tiếp	119.000	-	-	82.000	37.000	-	-	-	-		47.930	47.930	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	22.000			22.000							-		
2	Xây dựng đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	30.000			30.000							20.213	20.213	
3	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	30.000			30.000							23.320	23.320	
4	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	7.500				7.500						-		
5	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	7.500				7.500						1.370	1.370	
6	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	15.000				15.000						2.017	2.017	
7	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng	7.000				7.000						1.010	1.010	
	Dự án khởi công mới	24.000	-	-	15.000	9.000	-	-	-	-		-	-	
8	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	15.000			15.000							-		
9	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	9.000				9.000						-		
IX	Huyện Lộc Ninh	199.900	50.000	-	113.400	36.500	-	-	-	-		43.584	43.584	21,8
	Dự án chuyên tiếp	85.900	-	-	58.400	27.500	-	-	-	-		43.584	43.584	
1	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	21.000			21.000							16.028	16.028	
2	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	37.400			37.400							10.000	10.000	
3	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	20.000				20.000						17.556	17.556	
4	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	7.500				7.500						-		
	Dự án khởi công mới	114.000	50.000	-	55.000	9.000	-	-	-	-		-	-	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 4/5/2022			
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA					
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thăng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	30.000			30.000							-		
6	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	38.000			38.000							-		
	Tất toán các công trình quyết toán	2.925	-	-	2.925	-	-	-	-	-		599	599	
7	Trường Mẫu giáo Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	796			796							439	439	
8	Cầu bắc qua sông Bé trên đường ĐT.760 nối dài	2.129			2.129							160	160	
XII	Huyện Phú Riềng	175.000	-	-	175.000	-	-	-	-	-		50.428	50.428	28,8
	Dự án chuyển tiếp	130.000	-	-	130.000	-	-	-	-	-		50.428	50.428	
1	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	25.000			25.000							-		
2	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	55.000			55.000							50.428	50.428	
3	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quán	30.000			30.000							-		
4	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quán	20.000			20.000							-		
	Dự án khởi công mới	45.000	-	-	45.000	-	-	-	-	-		-	-	
5	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	15.000			15.000							-		
6	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thăng)	15.000			15.000							-		
7	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quán)	15.000			15.000							-		
XIII	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	15.000	-	-	15.000	-	-	-	-	-		-	-	-
	Dự án khởi công mới	15.000	-	-	15.000	-	-	-	-	-		-	-	
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	15.000			15.000									
XIV	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	53.932	53.200	-	732	-	-	-	-	-		389	389	
	Dự án khởi công mới	53.200	53.200	-	-	-	-	-	-	-		-	-	
1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc O huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	53.200	53.200									-		
	Tất toán các công trình quyết toán	732	-	-	732	-	-	-	-	-		389	389	
2	Đường nhựa giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư - Chiu Riu và Lộc Thiện - Tà Nốt) huyện Lộc Ninh (đoạn 1 tuyến Hoa Lư - Chiu Riu)	732			732							389	389	
XV	Công an tỉnh	24.800	-	-	24.800	-	-	-	-	-		2.513	2.513	10,1
	Dự án chuyển tiếp	14.800	-	-	14.800	-	-	-	-	-		-	-	

